

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-ST  
Ngày: 11-4-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Nữ Ngọc Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Chau Khon Sóc

Bà: Lê Huỳnh Ngọc Lý

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cù Thị Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang*** tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2023/TLST-DS ngày 15/11/2023 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 20, khóm T, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 10, khóm T, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Vào năm 2018 bà Ngô Thị Tuyết M có mượn tiền nhiều lần tổng cộng 63.000.000 đồng, lãi suất 5%/1.000.000 đồng/01 tháng, từ khi vay đến nay bà M trả lãi được 02 tháng sau đó không trả lãi nữa. Bà M có trả gốc được 28.000.000 đồng, tính đến thời điểm hiện nay bà M còn nợ lại số tiền 35.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà M trả số tiền 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Ngô Thị Tuyết M thừa nhận có mượn tiền của bà Nguyễn Thị Huyền T số tiền 63.000.000 đồng, quá trình vay hai bên không có làm biên nhận, bà có trả lãi nhưng không nhớ chính xác đã trả được bao nhiêu và trả vào thời gian nào, tiền gốc bà đã trả được 28.000.000 đồng, còn nợ lại bà T số tiền 35.000.000 đồng. Với yêu cầu của bà T, bà M đồng ý trả số tiền 35.000.000 đồng, xin trả dần bà T mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà M trả số tiền 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Ngô Thị Tuyết M vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS 2015.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Năm 2018 bà T đã cho bà M vay nhiều lần với tổng số tiền 63.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thỏa thuận thời hạn 03 tháng. Trong quá trình vay, bà M đã trả vốn 28.000.000 đồng, còn nợ lại 35.000.000 đồng. Sự việc này cũng được bà M thừa nhận. Nhận thấy giao dịch giữa các bên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm nên đây là giao dịch hợp pháp. Do bà M đã vi phạm nghĩa vụ khi thực hiện hợp đồng nên bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền trên.

Về lãi suất: Bà T không yêu cầu nên không xem xét

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà M có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 35.000.000 đồng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và do bị đơn bà Ngô Thị Tuyết M có nơi cư trú tại khóm T, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Ngô Thị Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng bà M vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Huyền T và Ngô Thị Tuyết M thực tế đã xảy ra, thể hiện qua sự thừa nhận của hai bên. Theo đó bà T đã cho bà M mượn số tiền 63.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận, quá trình vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 5%/1.000.000 đồng/tháng. Bà M đã trả được cho bà T 02 tháng tiền lãi và 28.000.000 đồng tiền gốc, thì ngưng không trả nữa. Nay bà T yêu cầu bà M trả số tiền 35.000.000 đồng, quá trình tố tụng bà T cũng thừa nhận còn nợ lại của bà M số tiền 35.000.000 đồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy, bà M có vay tiền của bà T, quá trình vay mượn bà M cũng đã thực hiện được một phần nghĩa vụ là trả nợ cho bà T, nhưng do bà M vi phạm về thời gian thanh toán, không trả nợ đầy đủ cho bà T. Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà M phải trả số tiền vốn vay 35.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Ngô Thị Tuyết M phải trả cho bà Nguyễn Thị Huyền T số tiền 35.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Bà T không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với khoản tiền lãi đã trả, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu xin trả dần số tiền mỗi tháng 300.000 đồng của bà M, bà T không đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà M. Yêu cầu của bà M sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 219; Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T đối với bà Ngô Thị Tuyết M về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bà Ngô Thị Tuyết M có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị Huyền T số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Về án phí: Bà Ngô Thị Tuyết M phải nộp 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bà Nguyễn Thị Huyền T được nhận lại 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012066 ngày 08-11-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Nữ Ngọc Lan**